TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 110/2022/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Không công nhận cha con

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Ngọc Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Cán bộ Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên họp*:** Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc *"Yêu cầu không công nhận cha con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Lê Lương Minh L, sinh năm 1980; Địa chỉ: 40 Nguyễn T, tổ 40, phường H, quận H1, Đà Nẵng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Xuân C, sinh năm 1983; Địa chỉ: 40 Nguyễn T, tổ 40, phường H, quận H1, Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Lê Lương Minh L và bà Phạm Thị Xuân C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Lê Lương Minh C, sinh ngày 08/6/2011 và Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015. Ông Lê Lương Minh L và bà Phạm Thị Xuân C đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định về phần con chung, ông bà thỏa thuận ông Lê Lương Minh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Lương Minh C, sinh ngày 08/6/2011, bà Phạm Thị Xuân C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015. Tại thời điểm ly hôn, cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 là con trong thời kì hôn nhân nên ông L bà C vẫn xác định cháu N là con chung. Tuy nhiên, quá

trình chung sống bà C có quan hệ với người khác mang thai và sinh ra cháu N, bản thân ông L đã làm xét nghiệm AND với cháu N và kết quả xét nghiệm là ông L và cháu N không có quan hệ huyết thống. Nay ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 không phải là con của ông Lê Lương Minh L.

Tại phiên họp: Người yêu cầu là ông Lê Lương Minh L vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm như đã trình bày. Ông đề nghị Tòa án không công nhận cha con giữa ông và cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị Xuân C đồng ý với yêu cầu của ông L về việc không công nhận cha con giữa ông Lê Lương Minh L và cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị: Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định về thủ tục tố tụng giải quyết việc hôn nhân gia đình theo Bộ luật TTDS. Về nội dung: Theo Kết luận giám định số 41/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định Lê Lương Minh N là con đẻ của Phạm Thị Xuân C, không phải là con đẻ của Lê Lương Minh L. Đồng thời, ông L và bà C đều đồng ý với kết quả giám định. Dó đó, căn cứ vào các Điều 88, 89, 102 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Lương Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] Ông Lê Lương Minh L và bà Phạm Thị Xuân C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Lê Lương Minh C, sinh ngày 08/6/2011 và Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015. Ông bà đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm ly hôn, cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 là con trong thời kì hôn nhân nên ông L bà C vẫn xác định cháu N là con chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà C có quan hệ với người khác mang thai và sinh ra cháu N, bản thân ông L đã làm xét nghiệm AND với cháu N và kết quả xét nghiệm là ông L và cháu N không có quan hệ huyết thống. Nay ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 không phải là con của ông Lê Lương Minh L.

Xét thấy nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự của ông Lê Lương Minh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 11 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trên cơ sở yêu cầu của đương sự, ngày 16 tháng 5 năm 2022 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định gen ADN với và Kết luận giám định số 41/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Lê Lương Minh N là con đẻ của Phạm Thị Xuân C, không phải là con đẻ của Lê Lương Minh L.

[3] Tại phiên họp hôm nay, ông Lê Lương Minh L và bà Phạm Thị Xuân C đề nghị Tòa án không công nhận cha con giữa ông Lê Lương Minh L và cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015.

[4] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu không công nhận cha con của ông Lê Lương Minh L đối với cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015.

[5] Do đó, yêu cầu tuyên bố không công nhận cha con của ông Lê Lương Minh L đối với cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 là có căn cứ theo quy định tại Điều 88, 89, 102 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[6] Lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí trưng cầu giám định ông Lê Lương Minh L phải chịu theo quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các Điều 19, 23 Bộ luật dân sự; khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 88, 89,102 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Lương Minh L về việc không công nhận cha con giữa ông Lê Lương Minh L và cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015.

Xác định ông Lê Lương Minh L – sinh ngày 01/01/1980 (chứng minh nhân dân số 201440589 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2008) và cháu Lê Lương Minh N, sinh ngày 22/7/2015 (Giấy khai sinh số 171/2015, quyển số 01/2015 nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ngày đăng ký: 29/7/2015) không có quan hệ huyết thống Cha - Con.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Lương Minh L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000835 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đã nộp đủ.

3. C phí giám định gen ADN 12.543.000đ (Mười hai triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) ông Lê Lương Minh L phải chịu, đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Ngọc Hà